

CÔNG TÁC BIÊN MỤC VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

ThS Trần Thị Hải Yến
Cục Thông tin KH&CN Quốc gia

Mô tả hiện trạng công tác biên mục ở Việt Nam về các mặt: quy tắc biên mục, khổ mẫu biên mục và các bảng phân loại. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác biên mục. Khuyến nghị về việc sớm tiến hành nghiên cứu và ứng dụng thử nghiệm quy tắc “Mô tả và Truy cập Tài nguyên” (RDA) ở Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Biên mục có vai trò vô cùng quan trọng đối với hiệu quả hoạt động của cơ quan thông tin-thư viện (CQTTTV). Vậy công tác biên mục tại các CQTTTV của nước ta hiện ra sao? Để trả lời câu hỏi này một cách khách quan, từ tháng 6 tới tháng 9 năm 2011, chúng tôi đã điều tra bằng phiếu hỏi hơn 130 cơ quan thông tin thư viện lớn thuộc 4 nhóm: thư viện công cộng, thư viện của viện nghiên cứu, thư viện các trường đại học và các cơ quan thông tin Bộ, ngành. Phiếu điều tra được thiết kế với 11 câu hỏi chia làm 3 nội dung chính: thông tin chung về cơ quan thông tin-thư viện, hiện trạng áp dụng chuẩn trong hoạt động nghiệp vụ và ý kiến về việc áp dụng RDA. Bài viết này sẽ cung cấp cho bạn đọc một phần kết quả của cuộc điều tra về công tác biên mục nói trên.

1. Giới thiệu chung về hoạt động biên mục ở Việt Nam

Quan niệm về biên mục ở Việt Nam đã có sự thay đổi rõ ràng. Những kiến thức và thực tiễn biên mục nặng về thủ

công, truyền thống và cục bộ trước đây đã được hiện đại hóa và phát triển chuẩn hóa theo xu hướng quốc tế. Công cụ kiểm soát thư mục truyền thống như mục lục phiếu đã dần mất vai trò. Các thư viện chủ yếu sử dụng mục lục truy cập trực tuyến, cho phép tra cứu nhanh chóng, kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin thuận tiện trên phạm vi toàn cầu.

Các CQTTTV Việt Nam rất coi trọng công tác biên mục. Gần như 100% cán bộ thư viện khi được hỏi đều khẳng định, biên mục có vai trò quyết định đối với chất lượng hoạt động của thư viện mình. Ở nhiều thư viện, cán bộ phòng biên mục phân loại được coi là cán bộ nguồn quan trọng trong nhu cầu phát triển nhân lực thư viện. Tùy theo quy mô, vốn tài liệu, nhân sự, loại hình,... các CQTTTV Việt Nam có cách tổ chức hoạt động biên mục khác nhau, tuy nhiên, họ có nhiều điểm chung về quy trình biên mục, phương pháp biên mục và công cụ biên mục. Cụ thể như sau:

- Quy trình biên mục: sau khi bỏ

sung tài liệu, các CQTTTTV thường tiến hành biên mục theo hai giai đoạn: biên mục hình thức và biên mục nội dung hay còn gọi là biên mục sơ lược và biên mục chi tiết.

- Phương pháp biên mục: giống như các nước trên thế giới, các CQTTTTV Việt Nam sử dụng một trong hai phương pháp là biên mục gốc và biên mục sao chép. Phương pháp biên mục tại nguồn ở Việt Nam chỉ mới bắt đầu được tiến hành [9].

- Công cụ biên mục: hoạt động biên mục của các CQTTTTV Việt Nam hiện dựa trên những quy tắc mô tả chủ yếu như Quy tắc biên mục Anh-Mỹ (AACR2 - Anglo-American Cataloging Rules, Second Edition) [3, 10], Mô tả thư mục chuẩn quốc tế (ISBD - International Standard Bibliographic Description) [4], Tiêu chuẩn Việt Nam về mô tả thư mục TCVN 4743-89 [1]; sử dụng khung phân loại BBK [8], DDC [7], LCC hoặc Khung phân loại 19 lớp; khổ mẫu biên mục được dùng nhiều nhất là MARC 21 [6], ngoài ra còn dùng Dublin Core, UNIMARC,...

- Phần mềm quản lý: đa số các CQTTTTV Việt Nam đã sử dụng các phần mềm thư viện tích hợp để quản lý hoạt động của mình, trong đó có hoạt động biên mục. Hai phần mềm được sử dụng nhiều nhất là Libol và ILIP. Ngoài ra, có hai thư viện sử dụng phần mềm nước ngoài VTLIS. Một số thư viện kinh phí ít vẫn sử dụng phần mềm miễn phí CDS/ISIS.

2. Hiện trạng công tác biên mục ở Việt Nam

2.1. Quy tắc biên mục

Theo kết quả điều tra, có ba quy tắc biên mục được áp dụng phổ biến nhất tại Việt Nam. Đó là: AACR2, ISBD và Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4743-89. Năm 2007, Vụ Thư viện đã ra công văn số 2667/BVHTT-TV về triển khai áp dụng DDC, MARC 21 và AACR2 trong các thư viện, trong đó khuyến khích các thư viện sử dụng AACR2 như một chuẩn mô tả của Việt Nam [2] nhưng trên thực tế, ISBD hiện vẫn là quy tắc mô tả được sử dụng nhiều nhất. 48,9% các thư viện được hỏi sử dụng quy tắc này, kế đó là AACR2 - 46,8%. TCVN 4743-89 ít được sử dụng nhất.

Với gần ½ số thư viện được hỏi đang áp dụng quy tắc mô tả AACR2, so với khoảng 30% vào năm 2009 (theo số liệu điều tra của Hội Thông tin tư liệu Việt Nam), AACR2 quả đã có bước tiến dài trong vai trò là công cụ biên mục của các CQTTTTV Việt Nam.

Tài liệu hướng dẫn về AACR2 được sử dụng phổ biến nhất là: Bản dịch tiếng Việt “Quy tắc biên mục Anh - Mỹ” của Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia (nay là Cục Thông tin KH&CN Quốc gia), xuất bản năm 2009; Bộ Quy tắc Anh - Mỹ rút gọn, 1988, ấn bản Việt ngữ lần thứ nhất năm 2002 [3]. Theo kết quả điều tra, tài liệu được sử dụng nhiều nhất là bản dịch năm 2009 của Cục Thông tin KH&CN Quốc gia - 53,1%, 31,3% - sử

Nghiên cứu - Trao đổi

dụng ấn bản Việt ngữ năm 2002, và 15,6% - sử dụng những tài liệu hướng dẫn khác về AACR2. Không thư viện nào sử dụng bản gốc tiếng Anh.

Hoạt động biên mục tương đối phức tạp, vì vậy, có tới 41,7% người được hỏi không trả lời câu hỏi về khả năng đáp ứng của AACR2 đối với hoạt động biên mục, chỉ có 2,8% cho rằng AACR2 chưa đáp ứng được và 55,5% khẳng định AACR2 đã đáp ứng ở mức độ khác nhau nhu cầu biên mục ở cơ quan mình.

2.2. Khổ mẫu biên mục

Ngoài quy tắc mô tả thư mục, việc sử dụng khổ mẫu biên mục đọc máy theo chuẩn chung cũng đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát thư mục, trao đổi dữ liệu và chia sẻ tài nguyên. Hơn 2/3 các thư viện được hỏi đã sử dụng khổ mẫu MARC21 làm chuẩn cho hoạt động biên mục của mình. Đây là một thuận lợi cho việc chia sẻ dữ liệu. Khổ mẫu siêu dữ liệu Dublin Core được 13,9% thư viện sử dụng, tuy nhiên, không sử dụng độc lập mà song song kết hợp với MARC21. Ngoài ra, 15,9% thư viện sử dụng khổ mẫu tự xây dựng và 2,3% sử dụng UNIMARC.

Như vậy, nhờ những ưu điểm nổi trội, lại được các thư viện Việt Nam thống nhất chọn làm chuẩn cho hoạt động của mình nên MARC21 chiếm ưu thế hơn so với những khổ mẫu còn lại. Các phần mềm thư viện phổ biến ở Việt Nam cũng đều tổ chức các trường theo MARC21. Trong tương lai, chắc

chắn tỷ lệ sử dụng khổ mẫu này sẽ còn cao hơn nữa.

2.3. Các bảng phân loại

Phân loại tài liệu là khâu quan trọng trong hoạt động xử lý tài liệu của tất cả các CQTTTTV. Ba bảng phân loại được sử dụng nhiều nhất hiện nay ở Việt Nam là DDC, BBK và Khung phân loại 19 lớp. Sau khi được Vụ Thư viện, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch khuyến nghị sử dụng, DDC đã trở thành khung phân loại được sử dụng nhiều nhất ở Việt Nam, chiếm 60,9%, kế đó là Khung phân loại 19 lớp - chiếm 23,9%. Chỉ có 8,7% các thư viện được hỏi dùng khung phân loại BBK, và chủ yếu tại thư viện các viện nghiên cứu. Không thư viện nào dùng UDC và 15,2% các thư viện còn lại, thường là các thư viện chuyên ngành, sử dụng các bảng phân loại khác.

Một số thư viện sử dụng song song kết hợp các bảng phân loại với nhau như Thư viện Học viện Báo chí và Tuyên truyền sử dụng cả Khung phân loại 19 lớp và bảng phân loại DDC, Thư viện Đại học Luật sử dụng DDC và một bảng phân loại chuyên ngành khác,...

Bảng phân loại DDC 14 ấn bản tiếng Việt là bảng DDC được dùng nhiều nhất ở Việt Nam. Trong số 60,9% các thư viện sử dụng DDC có tới 47,9% sử dụng DDC 14; chỉ 8,6% sử dụng DDC 22. Bên cạnh đó, một tỷ lệ nhỏ các thư viện sử dụng cả hai ấn bản này như Thư viện Học viện Ngân hàng, Thư viện Trường Đại học Hà Nội,...

2.4. Nhận xét, đánh giá

Hoạt động biên mục Việt Nam đang trên đà phát triển và đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ. Các thư viện đang quan tâm tới ba chuẩn được Vụ Thư viện khuyến nghị sử dụng. Tuy nhiên, ngoài chuẩn MARC 21 phù hợp với mọi loại hình thư viện đã được sử dụng rộng khắp, việc ứng dụng AACR2 và DDC còn nhiều vấn đề cần phải xem xét. Nhiều thư viện, kể cả những thư viện lớn vẫn dùng ISBD thay vì AACR2. Họ cho rằng, không nhất thiết phải chuyển sang AACR2 vì các trường của ISBD đang sử dụng hiện nay không chênh lệch quá nhiều so với AACR2. Nhiều thư viện đã sử dụng DDC, song ấn bản rút gọn DDC 14 tiếng Việt vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của các thư viện có vốn tài liệu lớn và thư viện chuyên ngành, đa ngành.

Hoạt động biên mục của các CQTTTTV Việt Nam được chính cán bộ thư viện đánh giá như sau: tốt - 20%, khá - 34%, trung bình - 33% và rất kém - 13%.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng hoạt động biên mục chưa tốt được đưa ra nhiều nhất là: hoạt động biên mục quá khó, phức tạp; trình độ cán bộ còn hạn chế; và kinh phí dành cho biên mục còn ít.

So sánh các hệ thống thư viện cho thấy, hệ thống thư viện công cộng áp dụng các chuẩn nghiệp vụ đồng bộ và nhiều hơn; tiếp đó là hệ thống thư viện các trường đại học, cao đẳng. Ngoài

nguyên nhân về mức độ phù hợp của các chuẩn biên mục đối với hoạt động của hai hệ thống thư viện này, có thể thấy, việc hợp tác khá tốt của các thành viên trong hai hệ thống đã giúp hoạt động biên mục dễ dàng đi đến thống nhất.

Để hoạt động biên mục của các CQTTTTV đạt hiệu quả cao hơn cần phải có định hướng phát triển đồng bộ và đúng đắn.

3. Định hướng phát triển hoạt động biên mục Việt Nam

3.1. Tăng cường nghiên cứu vấn đề chuẩn hóa trong hoạt động biên mục

Cũng như các ngành nghề, các lĩnh vực nghiên cứu khác, chuẩn hóa hoạt động biên mục là yêu cầu tất yếu, khách quan. So với các hoạt động khác trong CQTTTTV, hoạt động biên mục được coi là khó và phức tạp hơn cả. Để chất lượng của hoạt động này được nâng cao, cần đẩy mạnh nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn của nó như chuẩn biên mục mới trên thế giới, biện pháp ứng dụng chuẩn biên mục phù hợp với điều kiện vốn tài liệu và đặc trưng hoạt động của từng đơn vị. Ngoài ra, nghiên cứu về sự phù hợp của các chuẩn biên mục đối với từng loại thư viện khác nhau cũng rất quan trọng, qua đó, giúp các thư viện học hỏi kinh nghiệm của nhau, xác định đúng hướng phát triển, tránh lãng phí. Ví dụ: DDC, được hầu hết các thư viện công cộng sử dụng, liệu có phù hợp cho các thư viện viện nghiên cứu?

38,3% thư viện được hỏi không hề biết về công văn khuyến khích áp dụng

Nghiên cứu - Trao đổi

ba chuẩn biên mục AAC2, MARC 21 và DDC tại Việt Nam. Nghĩa là, cần tăng cường hơn nữa hoạt động tuyên truyền, phổ biến các chuẩn này tới CQTTTV. Ngoài ra, các thư viện đầu ngành cần tăng cường hướng dẫn, truyền đạt kinh nghiệm sử dụng các chuẩn cho những thư viện cùng hệ thống, đặc biệt là hệ thống thư viện chuyên ngành, đa ngành. Sự liên kết, phối hợp giữa các thư viện này chưa mạnh bằng hệ thống thư viện công cộng, thư viện đại học.

3.2. Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ biên mục

Nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi quyết định hiệu quả của hoạt động biên mục của một cơ quan thông tin-thư viện. Phần lớn cán bộ được hỏi đều đánh giá hoạt động biên mục là hoạt động khó khăn trong dây chuyền thông tin-tư liệu. Nguyên nhân là do các cán bộ chưa thực sự kiểm soát được nó. Bởi vậy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là vấn đề mấu chốt cần được quan tâm đúng mức. Thời gian qua, Cục Thông tin KH&CN Quốc gia đã tổ chức nhiều lớp học về các chuẩn biên mục, mang lại hiệu quả đáng khích lệ. Trong tương lai, cần duy trì và phát triển các lớp bồi dưỡng này, bên cạnh đó mở rộng hình thức học từ xa, hội thảo trực tuyến,...

Cán bộ biên mục nên được lựa chọn từ những người được đào tạo chính quy về thông tin-thư viện, bổ sung cho họ kiến thức về ngoại ngữ, về chuyên ngành xử lý.

3.3. Tăng cường kinh phí cho hoạt động biên mục

Một trong những nguyên nhân khi đánh giá tình trạng hoạt động biên mục chưa thực sự tốt là kinh phí hạn hẹp. Chính vì vậy, cần đầu tư hợp lý cho hoạt động này theo điều kiện cụ thể của từng cơ quan.

Để tăng cường trao đổi dữ liệu và kiểm soát thư mục, cần mở rộng việc giới thiệu và thúc đẩy việc chuyển đổi sang các chuẩn biên mục đã được lựa chọn.

3.4. Nghiên cứu và ứng dụng thử nghiệm quy tắc “Mô tả và Truy cập Tài nguyên”

Như đã biết, AACR2 ra đời trong bối cảnh các thư viện trên thế giới bắt đầu được tin học hóa. Hiện nay, các thư viện đều phát triển theo hướng thư viện số, thư viện điện tử với nguồn tài liệu số ngày càng gia tăng. Những thách thức của tài nguyên số và biểu ghi được tạo ra trong môi trường số, AACR2 khó có thể đáp ứng được. Chính vì vậy, ban chỉ đạo biên soạn AACR2 đã cho ra đời một ấn bản mới, gọi là *Mô tả và Truy cập Tài nguyên* (viết tắt là RDA) [5]. RDA là tiêu chuẩn mới cho việc mô tả và truy cập tài nguyên, được thiết kế trong môi trường số. Tiêu chuẩn này có nội dung đa quốc gia, cung ứng việc truy cập, mô tả thư tịch dành cho mọi phương tiện và độc lập với khổ mẫu truyền tải thông tin.

Quy tắc RDA hoàn toàn phù hợp với giai đoạn chuyển đổi hiện nay: biên mục dựa trên môi trường web. Để biên mục Việt Nam không tụt hậu so với thế giới,

Nghiên cứu - Trao đổi

cần phải nghiên cứu và áp dụng thử nghiệm RDA, qua đó, rút ra kết luận về khả năng triển khai tại Việt Nam và xác định lộ trình phát triển thích hợp. Một số thư viện lớn ở nước ta đã tìm hiểu về RDA, tuy nhiên, mới chỉ những nét lớn. 64,8% thư viện được hỏi chưa biết đến quy tắc này. Để tiếp cận RDA, nên tiến hành đồng thời các biện pháp: dịch ra tiếng Việt, xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng, tổ chức giới thiệu và tập huấn, áp dụng thử nghiệm tại các thư viện lớn và tìm kiếm tài trợ để triển khai RDA.

Kết luận

Công tác biên mục luôn giữ vai trò quan trọng trong dây chuyền xử lý thông tin, góp phần quyết định hiệu quả kiểm soát thư mục và trao đổi dữ liệu

giữa các thư viện trong nước và thế giới. Những năm gần đây, hoạt động biên mục tại Việt Nam đã phát triển theo hướng khoa học với những chuẩn biên mục được thiết lập và khuyến khích đưa vào sử dụng. Rất nhiều CQTTTTV, mặc dù tốn nhiều công sức và kinh phí, nhưng đã chuyển đổi theo các chuẩn biên mục đó. Đây là thành tựu rất đáng khích lệ và tự hào.

Tuy nhiên, để công tác biên mục theo kịp sự phát triển của nguồn tài liệu số, các CQTTTTV cần tích cực, chủ động nắm bắt chuẩn biên mục hiện đại, cụ thể là quy tắc “Mô tả và truy cập tài nguyên” mới ra đời và đã được nhiều thư viện lớn trên thế giới ủng hộ và ứng dụng thử nghiệm gần đây.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tiêu chuẩn Việt Nam về Thông tin Tư liệu / Tổng cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng . - 1995
2. Công văn số 2667/BVHTT-TV ngày 23/7/2007 của Bộ Văn hóa-Thông tin về triển khai áp dụng DDC, MARC 21, AACR2 trong các thư viện.
3. Gorman M. Bộ Quy tắc biên mục Anh-Mỹ rút gọn 1988 : ấn bản Việt ngữ lần thứ nhất; Người dịch: Lâm Vĩnh Thế và Phạm Thị Lệ Hương. H.: LEAF, 2002. - 290 tr.
4. IFLA. International Standard Bibliographic Description (ISBD): preliminary consolidated edition. 2007. URL http://www.ifla.org/VII/s13/pubs/ISBD_consolidated_2007.pdf
5. Joint Steering Committee for Development of RDA. RDA : Resource Description and Access. Chicago : American Library Association, 2011. (Tờ rời)
6. Khổ mẫu MARC 21 cho dữ liệu thư mục / Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia . - 2004
7. Khung phân loại thập phân Dewey rút gọn, ấn bản 14 / Thư viện Quốc gia Việt Nam.- 2006
8. Khung phân loại Thư viện-Thư mục (BBK) / Trung tâm Thông tin Khoa học Và Công nghệ Quốc gia. - 2002
9. Kiều Thuý Nga. Biên mục trước xuất bản tại Thư viện Quốc gia Việt Nam. Tạp chí Thư viện Việt Nam, 2010, số 6 (26), tr.43-44, 42
10. Ủy ban chỉ đạo liên hợp chính lý AACR. Quy tắc biên mục Anh Mỹ, Lần xuất bản 2. Bản dịch tiếng Việt lần thứ nhất. Hà Nội : NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2009.